

Thị trường TPDN khép lại năm 2025 với diễn biến tích cực

- Giá trị TPDN phát hành thành công trong T12 đạt 109.8 nghìn tỷ đồng (+181.5% so với T11, +60% svck). Lũy kế cả năm 2025, tổng giá trị TPDN phát hành đạt 649.3 nghìn tỷ đồng, tăng 42% svck.
- Lợi suất TPCP kỳ hạn 10N tăng lên mức cao nhất kể từ T3/23 tại 4.04%/năm trong bối cảnh nhu cầu về TPCP gia tăng.

Trái phiếu Doanh nghiệp

Thị trường TPDN khép lại năm 2025 với diễn biến tích cực

Sau T11 có phần trầm lắng, thị trường TPDN T12 ghi nhận sự sôi động trở lại với 99 đợt phát hành, tổng giá trị đạt 109.8 nghìn tỷ đồng (+181.5% so với T11, +60% svck), ghi nhận mức phát hành theo tháng cao thứ hai trong năm 2025. Nhóm Ngân hàng tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt với tổng giá trị phát hành đạt hơn 59 nghìn tỷ đồng (+165% so với T11, +94% svck). Nhóm Bất động sản cũng ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ, với quy mô phát hành tăng 118% so với T11, đạt 27.9 nghìn tỷ đồng. Các DN có tổng giá trị phát hành cao trong tháng bao gồm: Tập đoàn Vingroup (8.2 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 60 tháng, lãi suất 5.5%), Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển BĐS Phát Đạt (5.4 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 30 tháng, lãi suất 11%), CTCP Vinhomes (4.5 nghìn tỷ, kỳ hạn 36 tháng, lãi suất 12%).

Hoạt động phát hành ra công chúng khởi sắc trong tháng 12 với 7 đợt phát hành, tổng giá trị đạt 4.7 nghìn tỷ đồng. Lũy kế cả năm 2025, tổng giá trị trái phiếu phát hành ra công chúng đạt gần 55.4 nghìn tỷ đồng, tăng 66.2% so với năm 2024.

Trên thị trường quốc tế, Tập đoàn Vingroup và Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh đã phát hành thành công 375 triệu USD trái phiếu quốc tế, qua đó nâng tổng giá trị phát hành trái phiếu quốc tế trong năm 2025 lên 875 triệu USD, tăng 483% so với năm 2024.

Lũy kế từ đầu năm, tổng giá trị TPDN phát hành đạt 649.3 nghìn tỷ đồng, tăng 42% svck. Trong đó, phát hành riêng lẻ tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ đạo với 91.4%, trong khi phát hành ra công chúng vẫn ở mức khiêm tốn, chiếm 8.6%. Lãi suất TPDN bình quân gia quyền trong năm 2025 ước đạt khoảng 7.3%, nhích nhẹ so với mức 7.2% của năm 2024.

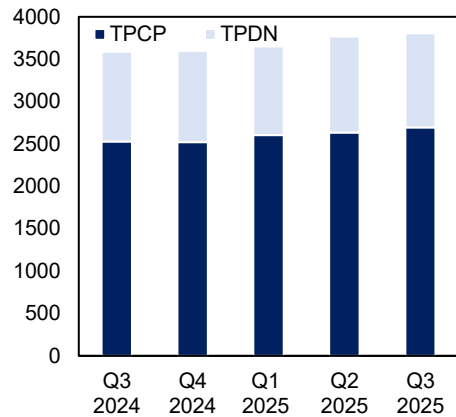
Ngân hàng là nhóm ngành có giá trị phát hành cao nhất với gần 426.9 nghìn tỷ đồng (+43.5% svck), chiếm tỷ trọng 65.7%. Lãi suất bình quân gia quyền ở mức 6.0%/năm, kỳ hạn bình quân 4.47 năm. Các ngân hàng có giá trị phát hành lớn nhất từ đầu năm đến nay gồm có: TCB (52.8 nghìn tỷ đồng), VPB (38.5 nghìn tỷ đồng), và OCB (37.2 nghìn tỷ đồng).

Nhóm **Bất động sản** chiếm tỷ trọng 23.3% với tổng giá trị phát hành đạt 151.5 nghìn tỷ đồng, tăng 64.7% svck, cho thấy sự phục hồi rõ nét. Lãi suất bình quân gia quyền nhóm bất động sản là 10.1%/năm, kỳ hạn bình quân là 3.3 năm. Các doanh nghiệp phát hành giá trị lớn nhất bao gồm: Tập đoàn Vingroup (33.2 nghìn tỷ đồng), CTCP Vinhomes (19.5 nghìn tỷ đồng) và CTCP Đầu tư xây dựng Thái Sơn (10 nghìn tỷ đồng).

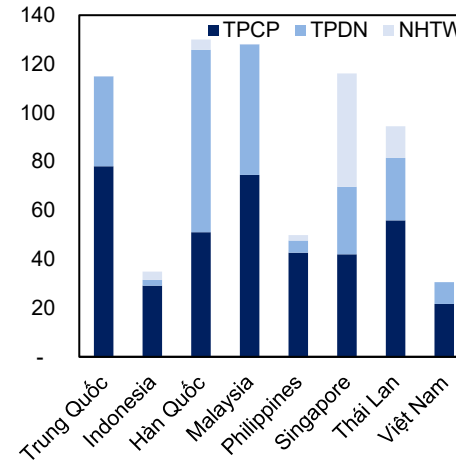
Doanh nghiệp tăng tốc mua lại trái phiếu trước hạn trong tháng 12

Trong T12, giá trị TPDN mua lại trước hạn tăng trở lại sau ba tháng giảm liên tiếp, đạt khoảng 43.2 nghìn tỷ đồng. Trong đó, nhóm Ngân hàng chiếm 59% tổng giá trị mua lại, tương ứng 25.5 nghìn tỷ đồng, trong khi nhóm Bất động sản ghi nhận mức mua lại khoảng 13.3 nghìn tỷ đồng, chiếm 30.7%. Trong năm 2025, khoảng 322 nghìn tỷ đồng TPDN đã được mua lại trước hạn (+48.8% svck), phần lớn nhờ giá trị mua lại của nhóm Ngân hàng (chiếm 67.3% tổng giá trị mua lại, +34.3% svck) và nhóm Bất động sản (chiếm 18.8% tổng giá trị mua lại, +122.4% svck).

Dư nợ thị trường trái phiếu Việt Nam theo quý (Nghìn tỷ đồng)



Quy mô thị trường trái phiếu các nước trong khu vực (% GDP Q3 2025)



Chuyên viên phân tích

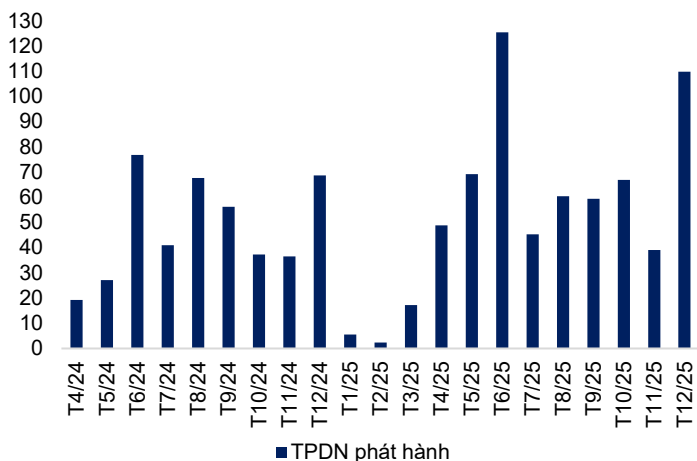
Vũ Lê Giang

Giang.VuLe@mbs.com.vn

Tháng 12 ghi nhận 8 mã trái phiếu chậm thanh toán gốc/lãi

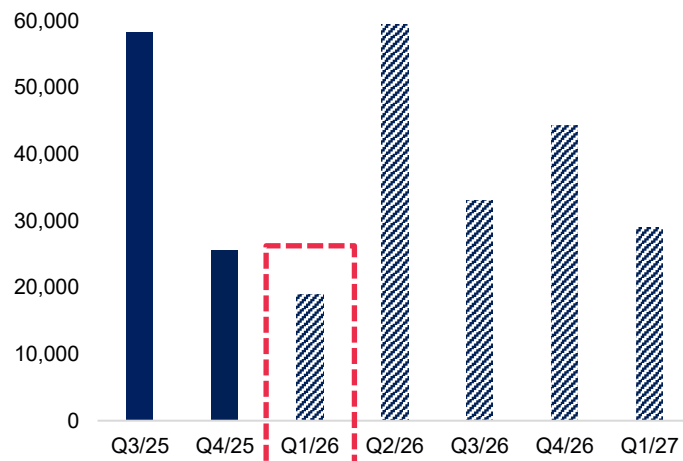
Về tình hình chậm trả, T12 ghi nhận 8 mã trái phiếu chậm thanh toán gốc/lãi với giá trị chậm trả khoảng 532.3 tỷ đồng. Trong đó có 1 mã trái phiếu công bố chậm trả lần đầu với tổng mệnh giá 1.4 nghìn tỷ đồng. Trong năm 2025, tổng giá trị phát hành của các TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán ước khoảng 72.2 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 5.2% dư nợ TPDN của toàn thị trường, trong đó nhóm Bất động sản chiếm tỷ trọng cao nhất với 67.8%.

Hình 1: Giá trị TPDN phát hành thành công theo tháng (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng). (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 15/1)



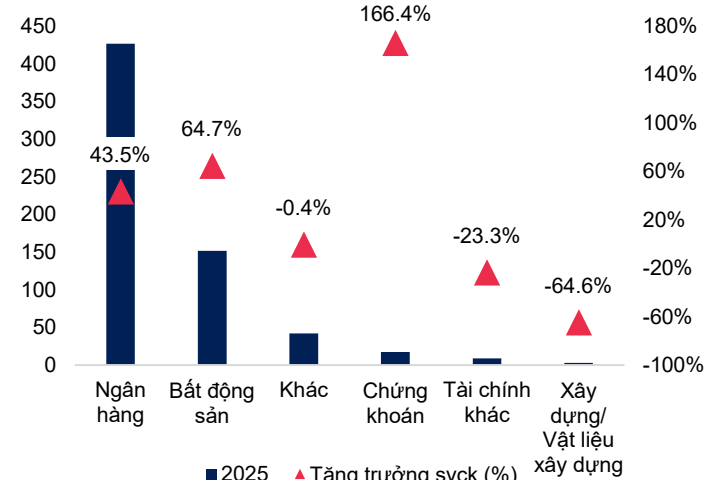
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 2: Ước tính khối lượng TPDN đáo hạn theo quý (Đơn vị: Tỷ đồng)



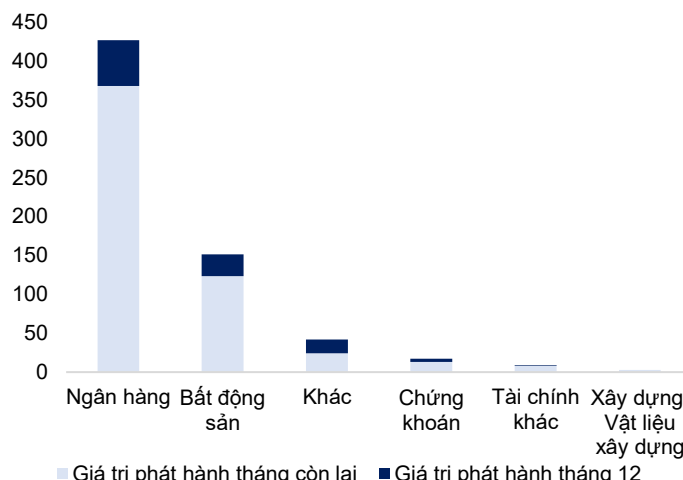
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 3: Giá trị TPDN phát hành thành công của các nhóm ngành trong lũy kế từ đầu năm (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



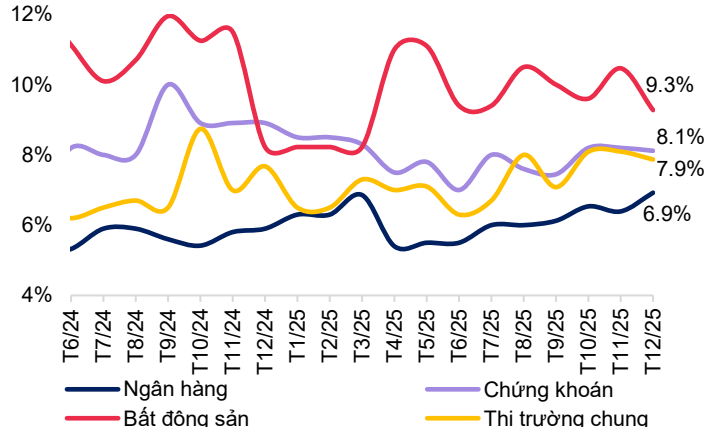
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 4: Cơ cấu giá trị TPDN phát hành lũy kế từ đầu năm 2025 theo ngành (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



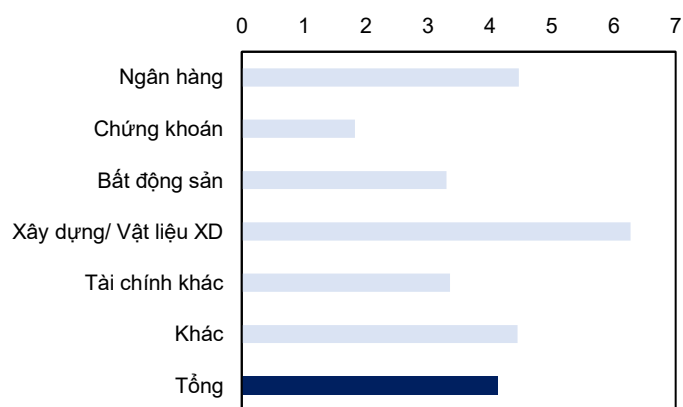
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 5: Lãi suất bình quân tháng của TPDN theo nhóm ngành (%/năm)



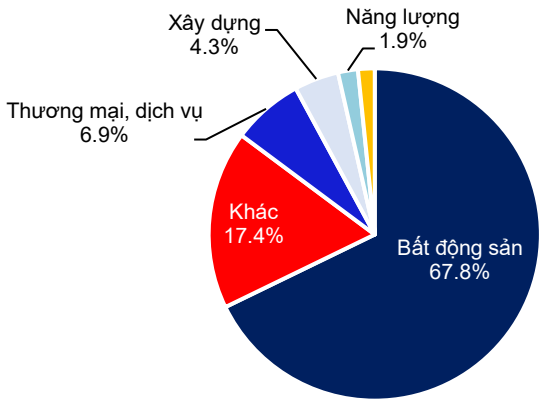
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 6: Kỳ hạn trung bình TPDN phát hành trong năm 2025 theo nhóm ngành (năm)



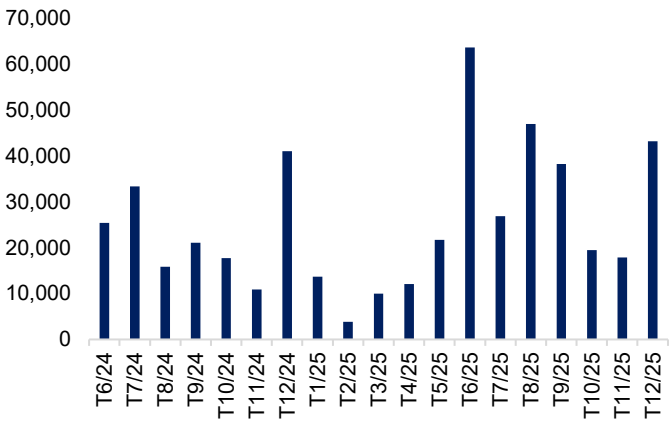
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 7: Từ đầu năm đến nay, tổng giá trị TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán là khoảng 72.2 nghìn tỷ đồng. Cơ cấu TPDN chậm nghĩa vụ thanh toán theo ngành



Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 8: Giá trị mua lại TPDN trước hạn theo tháng (Đơn vị: Tỷ đồng) (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 15/1)



Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Trái Phiếu Chính Phủ

Thị trường sơ cấp

KBNN phát hành thành công 64,581 tỷ đồng TPCP trong kỳ với lợi suất trúng thầu tăng ở tất cả các kỳ hạn

Trong T12, KBNN đẩy mạnh quy mô chào bán TPCP, với tổng giá trị gọi thầu là 83 nghìn tỷ đồng – mức cao nhất trong năm 2025. Kết quả, có gần 64.6 nghìn tỷ đồng được huy động thành công, tương ứng tỷ lệ trúng thầu đạt 77.8% - tăng mạnh 34.3 điểm phần trăm so với tháng trước. Mặc dù nỗ lực bứt tốc trong tháng cuối năm, KBNN chỉ hoàn thành 79.9% mục tiêu Q4 và 74.3% kế hoạch năm 2025. Tính chung cả năm, tổng giá trị phát hành TPCP đạt 371.5 nghìn tỷ đồng, tăng 12.4% so với năm 2024. Cơ cấu trúng thầu nghiêng mạnh về kỳ hạn 10N, chiếm 84.5% tổng giá trị, đạt 314.1 nghìn tỷ đồng. Theo thông báo ngày 30/12/2025, KBNN dự kiến sẽ phát hành 500 nghìn tỷ đồng TPCP trong năm 2026 (tương đương kế hoạch năm 2025).

Trong bối cảnh nhu cầu vốn cho đầu tư công tiếp tục tăng, lợi suất trái phiếu tại tất cả các kỳ hạn được điều chỉnh tăng từ 4 - 24 điểm cơ bản, nhằm thu hút dòng tiền. Cụ thể, lợi suất kỳ hạn 5N tăng 4 điểm cơ bản lên 3.2%, trong khi lợi suất kỳ hạn 10N tăng 14 điểm cơ bản so với phiên cuối tháng 11, lên mức 4%.

Hình 9: Kết quả phát hành TPCP từ đầu năm 2025 đến nay (Tỷ đồng)

Kỳ hạn	Kế hoạch KBNN 2025	KBNN đã phát hành 2025	% Kế hoạch KBNN 2025
3 Năm	40,000	0	
5 Năm	100,000	41,577	42%
7 Năm	10,000	0	0%
10 Năm	230,000	314,101	137%
15 Năm	85,000	12,230	14%
20 Năm	10,000	500	5%
30 Năm	25,000	3,093	12%
Tổng	500,000	371,500	74.3%

Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/12/2025

Nguồn: KBNN, HNX, MBS Research

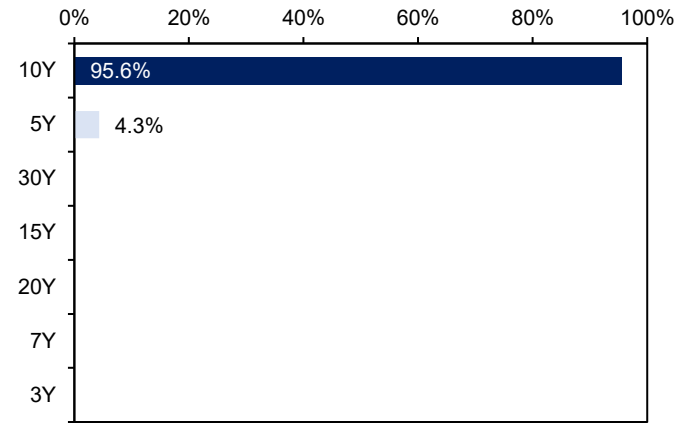
Hình 10: Kết quả đấu thầu TPCP KBNN T12/2025 (%)

Kỳ hạn	Giá trị chào bán	Giá trị trúng thầu	Tỷ lệ trúng thầu	Lợi suất
3Y				
5Y	7,500	2,800	37%	3.18% - 3.2%
7Y				
10Y	67,000	61,729	92%	3.88% - 4%
15Y	6,000	0	0%	0.00%
20Y				
30Y	2,500	52	2%	4.1% - 4.13%
Tổng	83,000	64,581	77.8%	Đơn vị: tỷ đồng

*Tính đến thời điểm 31/12/2025

Nguồn: HNX, MBS Research

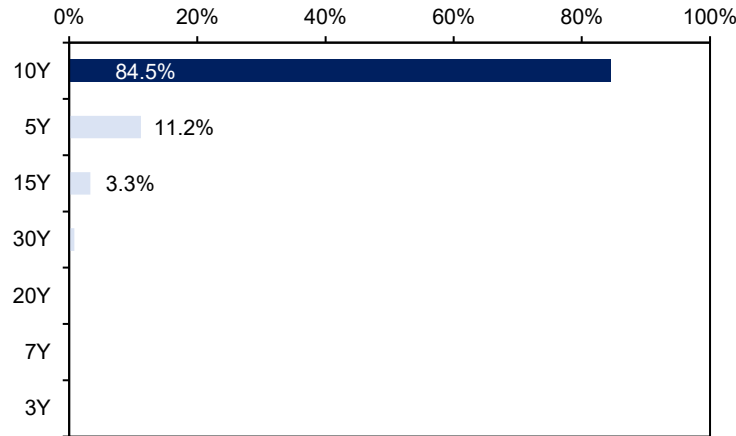
Hình 11: Tỷ trọng TPCP phát hành T12/2025



*Tính đến thời điểm 31/12/2025

Nguồn: HNX, MBS Research

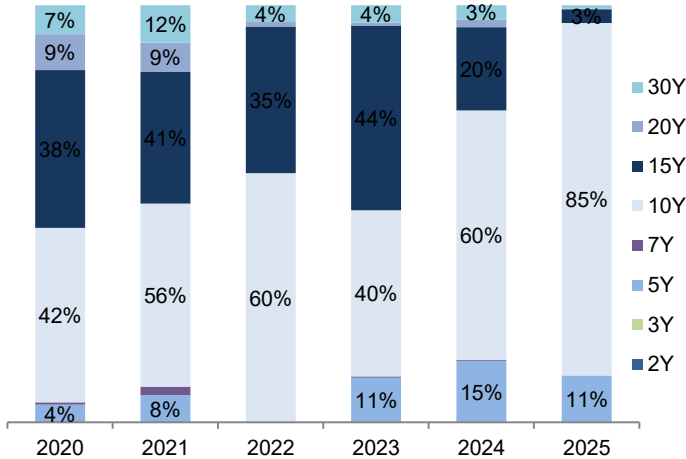
Hình 12: Tỷ trọng TPCP phát hành trong năm 2025



*Tính đến thời điểm 31/12/2025

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 13: Tỷ trọng TPCP trúng thầu qua các năm



Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 14: Lợi suất TPCP 10N tại một số quốc gia

Tính đến ngày 31/12/2025

Thị Trường	Đóng cửa	Tuần trước*	Tháng trước*	31/12/2024
Mỹ	4.11	-1.75	9.7	-45.9
EU	2.85	-0.70	16.6	48.8
Nhật Bản	2.07	2.50	25.4	93.0
Trung Quốc	1.85	1.92	2.2	17.9
Hàn Quốc	6.57	0.80	6.6	-18.8
Ấn Độ	6.08	-7.06	-24.1	-94.2
Malaysia	3.39	0.50	4.0	51.4
Singapore	3.52	-1.90	8.1	-30.1
Indonesia	4.78	-1.01	2.4	-62.4
Philippines	2.19	-9.53	8.6	-69.2
Thái Lan	1.72	-2.68	-4.4	-57.4
Việt Nam	4.04	0.80	14.8	107.1

* Số điểm cơ bản thay đổi so với thời điểm chốt dữ liệu

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

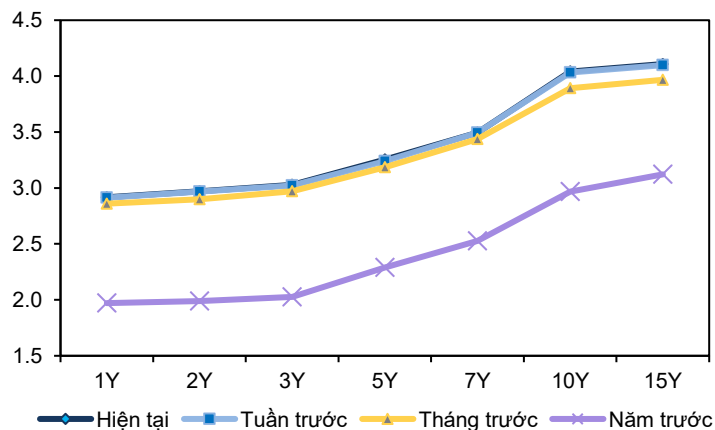
Thị trường thứ cấp

Lợi suất TPCP duy trì xu hướng tăng trong tháng tại tất cả các kỳ hạn. Tổng giá trị giao dịch bình quân trên thị trường TPCP thứ cấp tăng 2.6% so với tháng trước. NĐTNN bán ròng 18.6 tỷ đồng TPCP trong tháng 12.

Lợi suất kỳ hạn 10N tiếp tục duy trì xu hướng tăng trong suốt T12. Đến cuối tháng, lợi suất kỳ hạn 10N neo ở mức 4.04%/năm (+15 điểm cơ bản so với cuối tháng trước), mức cao nhất kể từ T3/23. Trong khi đó, lợi suất kỳ hạn 2N đến cuối T12 cũng tăng 7 điểm cơ bản so với cuối T11 lên mức 2.97%/năm.

Giá trị giao dịch bình quân ngày trên thị trường TPCP thứ cấp đạt 12.9 nghìn tỷ đồng, tăng 2.6% so với tháng trước. Trong đó, giao dịch Outright chiếm 82.6% khối lượng trong kỳ với khoảng 246 nghìn tỷ đồng. Bình quân giao dịch hơn 10.7 nghìn tỷ đồng/ngày, tăng 5.4% so với bình quân tháng trước. Giá trị giao dịch ghi nhận Repos bình quân giảm 8.9% so với tháng trước, với giá trị giao dịch ghi nhận 2.25 nghìn tỷ đồng/ngày - mức thấp nhất kể từ đầu năm tới nay. Trong tháng 12, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng 18.6 tỷ đồng. Dù vậy, tính chung cả năm 2025, khối ngoại vẫn duy trì vị thế mua ròng với giá trị lũy kế đạt 3.01 nghìn tỷ đồng, tăng 165% so với mức mua ròng trong năm 2024.

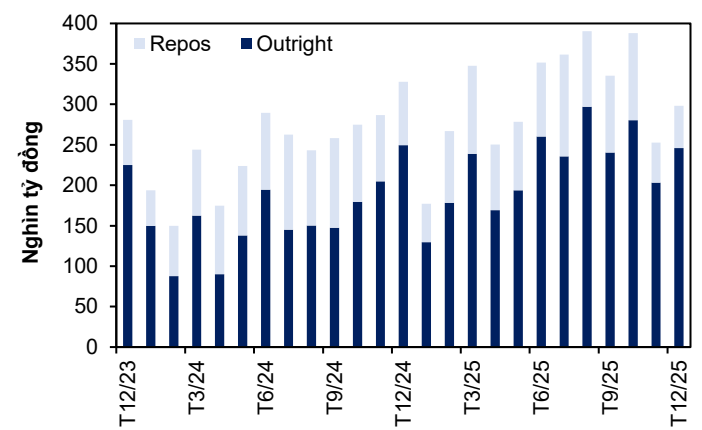
Hình 15: Lợi suất TPCP (%)



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/12

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

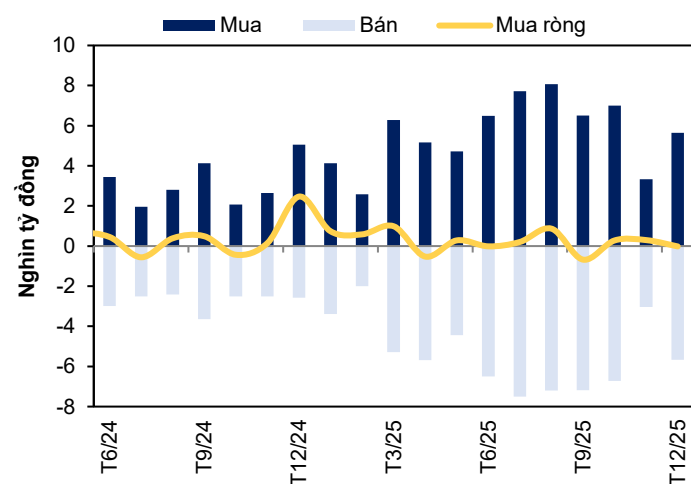
Hình 16: GTGD Outright và Repos trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/12

Nguồn: HNX, MBS Research

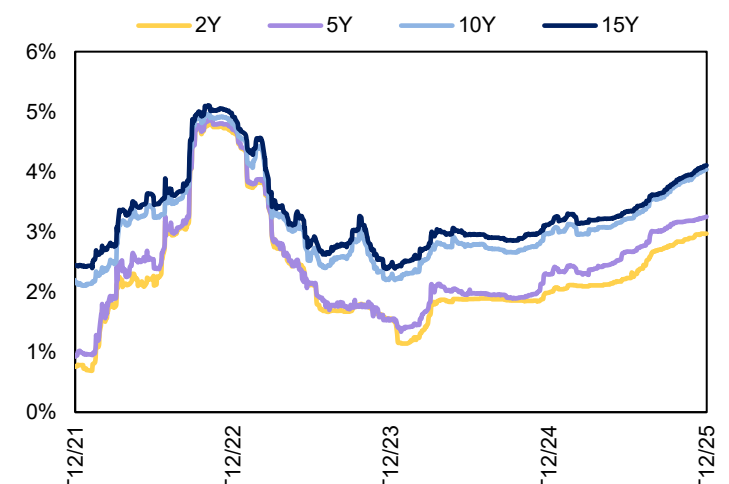
Hình 17: Giao dịch khối ngoại trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/12

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 18: Đường cong lợi suất TPCP - TT thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/12

Nguồn: HNX, MBS Research

Phụ lục

Hình 19: Các doanh nghiệp phát hành khối lượng TPDN lớn nhất trong năm 2025

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	2 - 3	52,750	5.0% - 7.2%
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	2 - 5	38,465	5.20% - 7.6%
Ngân hàng TMCP Phương Đông	2 - 3	37,200	5.1% - 6.9%
Ngân hàng TMCP Á Châu	2 - 5	36,850	4.95% - 7.0%
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2 - 20	34,403	5.68% - 6.68%
Tập đoàn Vingroup - CTCP	2 - 5	33,171	5.50% - 12.5%
Ngân hàng TMCP Quân Đội	3 - 10	32,174	5.00% - 7.28%
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	2 - 15	27,470	5.2% - 6.68%
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	2 - 8	22,998	5.5% - 7.9%
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	2 - 8	21,200	5.6% - 7.5%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 20: Các doanh nghiệp phát hành trái phiếu có lãi suất cao nhất trong năm 2025

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
CTCP Tập Đoàn Khải Hoàn Land	5	160	13.5%
Tập đoàn Vingroup - CTCP	2 - 3.2	33,171	5.5% - 12.5%
CTCP Đầu tư xây dựng Thái Sơn	2	10,000	12.5%
CTCP Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	3	7,500	12.0% - 12.5%
CTCP Vinhomes	3 - 3.5	19,500	11% - 12%
Công ty Cổ phần nước Aqua One	3	600	12.0%
Công ty TNHH Công Nghiệp - Bất Động Sản và Xây dựng Song Phương	5	389	12.0%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sài Gòn Xanh	5	192	12.0%
CTCP Tập đoàn đầu tư Tây Bắc	3	120	11.5%
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển bất động sản Phát Đạt	2.5	5,400	11.0%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 21: Danh sách trái phiếu hoàn thành đợt phát hành trong tháng 11 và tháng 12

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	11/2025	408	7.28%	120
	CTCP May - Diêm Sài Gòn	11/2025	470	9.0%	108
	Công ty TNHH MTV Vipico	11/2025	500	9.3%	96
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	11/2025	250	5.9%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	11/2025	1000	6.5%	24
	CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Quang	11/2025	500	9.10%	108
	CTCP Tasco Auto	11/2025	145	10.0%	48
BCM	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	11/2025	660	10.3%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	11/2025	59.1	7.38%	120
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	11/2025	1000	6.2%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	11/2025	180	6.78%	120
MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	11/2025	1,000	5.2%	36
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	11/2025	800	6.7%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	11/2025	500	6.68%	84
	Công ty TNHH MTV Vipico	11/2025	1000	9.3%	96
	CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Quang	11/2025	1000	9.0%	96
	CTCP Kinh doanh F88	11/2025	100	9.0%	12

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	11/2025	3000	6.4%	36
IPA	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	11/2025	1416	9.5%	60
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	11/2025	800	6.7%	36
	Công ty cổ phần dịch vụ cáp treo Bà Nà	11/2025	500	10.5%	60
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	11/2025	1,500	6.6%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	11/2025	16.5	7.98%	120
	CTCP May - Diêm Sài Gòn	11/2025	1,000	9.0%	108
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	11/2025	156	6.13%	120
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	11/2025	590	6.08%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	11/2025	702	6.03%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	11/2025	150	6.6%	180
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	11/2025	1000	10.0%	60
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	11/2025	1,000	6.7%	36
	Công ty cổ phần dịch vụ cáp treo Bà Nà	11/2025	750	10.5%	60
ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	11/2025	300	7.6%	72
	CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Quang	11/2025	1000	9.0%	84
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	11/2025	1000	6.7%	36
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	11/2025	1500	7.03%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	11/2025	360	6.0%	24
VIC	Tập đoàn Vingroup - CTCP	11/2025	1000	12.0%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	11/2025	150	7.68%	120
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	11/2025	100	6.0%	84
	Công ty TNHH MTV Vipico	11/2025	780	9.3%	96
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	11/2025	2000	6.5%	36
	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tam Trinh	11/2025	900	9.2%	96
	CTCP Đầu tư xây dựng Thái Sơn	11/2025	4000	12.5%	24
SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	11/2025	3773.25	5.93%	60
VAB	Ngân hàng TMCP Việt Á	12/2025	300	7.6%	84
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	12/2025	47	7.98%	120
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	12/2025	1000	6.5%	36
	CTCP May - Diêm Sài Gòn	12/2025	1,000	9.0%	108
KHG	CTCP Tập Đoàn Khải Hoàn Land	12/2025	80	13.5%	60
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	12/2025	2000	6.5%	36
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	12/2025	120	6.8%	60
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	12/2025	500	6.4%	60
	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tam Trinh	12/2025	1,100	9.2%	72
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	12/2025	3,000	6.9%	36
	Công ty cổ phần dịch vụ cáp treo Bà Nà	12/2025	190	10.5%	60
ORS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	12/2025	328	8.25%	12
	Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Bình Thuận	12/2025	260	5.85%	84
BCM	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	12/2025	900	10.3%	36
APG	Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	12/2025	300	8.0%	24
	Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital	12/2025	280	9.5%	24
SHS	Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	12/2025	220	8.2%	12
MNB	Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	12/2025	180	5.0%	24
	CTCP May - Diêm Sài Gòn	12/2025	620	9.0%	108
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	12/2025	2,000	6.5%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	12/2025	1000	6.4%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	12/2025	16	8.18%	120
KLB	Ngân hàng TMCP Kiên Long	12/2025	1000	7.3%	84

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	12/2025	3000	6.5%	36
	CTCP Năng lượng Tái tạo Trung Nam	12/2025	640	10.18%	60
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12/2025	142	6.13%	84
	CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Quang	12/2025	500	9.0%	84
ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	12/2025	600	7.6%	72
ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	12/2025	2,600	7.6%	72
VAB	Ngân hàng TMCP Việt Á	12/2025	92	7.7%	84
VND	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	12/2025	999.39	8.0%	24
VND	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	12/2025	999	8.3%	36
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	12/2025	500	7.37%	84
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	12/2025	300	7.47%	96
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	12/2025	50	7.03%	84
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	12/2025	1000	10.0%	60
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	12/2025	600	7.28%	84
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	12/2025	2,000	7.5%	36
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	12/2025	600	7.47%	84
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	12/2025	1,000	6.9%	24
	CTCP Đầu tư xây dựng Thái Sơn	12/2025	2000	12.5%	24
VIC	Tập đoàn Vingroup - CTCP	12/2025	8170.83	5.5%	60
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	12/2025	100	7.03%	84
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	12/2025	1000	10.0%	60
VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	12/2025	2000	5.8%	24
BCM	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	12/2025	440	10.3%	60
	CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Quang	12/2025	500	9.0%	108
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	12/2025	1,050	7.0%	60
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	12/2025	80	6.40%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	12/2025	300	7.68%	120
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	12/2025	500	7.0%	120
	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ quốc tế Thiso	12/2025	2200	8.0%	36
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12/2025	203	6.67%	96
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	12/2025	1,500	8.18%	120
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	12/2025	1257.3	5.59%	36
	CTCP Tecomen Holding	12/2025	300	6.0%	60
	CTCP In và Bao bì Goldsun	12/2025	800	10.8%	36
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12/2025	200	6.68%	180
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12/2025	800	6.68%	180
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	12/2025	500	7.2%	36
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	12/2025	2000	7.6%	24
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	12/2025	2,000	7.5%	24
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	12/2025	1000	7.5%	36
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12/2025	4000	6.5%	24
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	12/2025	5000	5.8%	24
VCP	Công ty cổ phần xây dựng và năng lượng VCP	12/2025	500	10.0%	36
TCX	CTCP chứng khoán Kỹ thương	12/2025	500	8.0%	15
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	12/2025	2000	7.5%	24
HDC	Công ty CP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	12/2025	500	10.0%	24
	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	12/2025	150	8.2%	84
	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển bất động sản Phát Đạt	12/2025	5400	11.0%	30
VPI	CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú	12/2025	150	11.0%	36
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	12/2025	1000	10.0%	60

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	12/2025	400	7.0%	60
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	12/2025	430	6.7%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12/2025	4000	6.5%	24
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	12/2025	1000	7.5%	36
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	12/2025	1000	10.0%	60
	CTCP Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	12/2025	1,500	9.75%	36
	CTCP Tập Đoàn Trường Hải	12/2025	2,000	8.5%	60
CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	12/2025	280	10.0%	60
BSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	12/2025	300	8.2%	12
VBB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	12/2025	1500	8.2%	84
	Công ty TNHH Mặt Trời Hòa Bình	12/2025	3500	11.0%	48
VBB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	12/2025	1000	7.4%	84
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	12/2025	500	6.4%	84
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	12/2025	600	8.2%	84
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	12/2025	150	7.03%	84
IPA	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	12/2025	608	9.5%	60
	Công ty Cổ phần VinaLiving Holdings	12/2025	70	11.0%	24
	Công ty Cổ phần VinaLiving Holdings	12/2025	120	10.5%	24
NAB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á	12/2025	1000	8.0%	84
VHM	CTCP Vinhomes	12/2025	4500	12.0%	36
TCX	CTCP chứng khoán Kỹ thương	12/2025	500	8.0%	29
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	12/2025	1000	7.9%	84
SGR	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	12/2025	100	10.7%	36
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	12/2025	500	8.2%	84
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	12/2025	2500	10.0%	84
	Công ty Cổ phần nước Aqua One	12/2025	600	12.0%	36

Nguồn: HNX, MBS Research

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Ô Chợ Dừa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHOI NGHIEN CUU CÔNG TY CPCK MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu
Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng
Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường
Ngô Quốc Hưng
Nghiêm Phú Cường
Đinh Hà Anh
Vũ Lê Giang

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính
Đinh Công Luyện
Phạm Thị Thanh Hương

Bất động sản - VLXD
Nguyễn Minh Đức
Lê Hải Thành
Phạm Thị Thanh Huyền

Logistics – Vật liệu cơ bản
Võ Đức Anh

Công nghiệp – Năng Lượng
Nguyễn Hà Đức Tùng
Mai Duy Anh

Dịch vụ - Tiêu dùng
Nguyễn Quỳnh Ly